TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 24-02-2022
V/v tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đượng sự:

* ***Nguyên đơn***: **Chị Lâm Thị C**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Anh Lê Văn Đ**, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị C trình bày: Nguyên vào năm 2008, chị và anh Lê Văn Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu quen biết, kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện M vào ngày 14/12/2020 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp T1, xã T2, huyện M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 5 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn và trầm trọng, không khắc phục được nên chị đã về cha mẹ ruột tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long sống và ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh Đ thường xuyên dùng lời lẽ thô tục chửi mắng, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị; không những vậy, mỗi lần cãi nhau, anh Đ còn dùng vũ lực đánh đập chị vô cớ. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê

Văn Đ.

- Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2010 và Lê Thành Đ1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2009 hiện đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn, chị tự nguyện giao hai con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Lê Văn Đ nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lâm Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn Đ trình bày, việc chị C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh biết và đã nhận đơn khởi kiện do chị C gửi, các lần Tòa án tống đạt văn bản tố tụng cho anh, anh đều nhận được nhưng đều vắng mặt vì tình hình dịch bệnh và vì sức khỏe anh không tốt nên anh hạn chế ra ngoài. Nay theo yêu cầu khởi kiện của chị C, thì anh đồng ý ly hôn với chị Chịnh, anh tự nguyện nuôi hai con chung là Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2010 và Lê Thành Đ1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2009. Về cấp dưỡng nuôi con anh chưa yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị C có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 26/01/2021. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, chị C và anh Đ xây dựng hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị C và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống chị C cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn và trầm trọng, không khắc phục được nên chị C yêu cầu ly hôn với anh Đ. Tại phiên tòa anh Đ cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn để cùng nuôi dạy con nhưng vợ chồng cũng không thể hòa hợp được, ngày càng mâu thuẫn nên theo yêu cầu ly hôn của chị C thì anh Đ cũng đồng ý. Do đó việc thuận tình ly hôn giữa chị C và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị C và anh Đ xác định có 02 con chung là Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2010 và Lê Thành Đ1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2009, hiện đang sống với anh Đ.

Chị C tự nguyên giao hai con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng

nuôi con, anh Đ cũng đồng ý. Quá trình giải quyết cháu Y và cháu Đ1 cũng có nguyện vọng sống với cha là anh Đ nếu cha mẹ ly hôn nhau.

Do đó Hội đồng xét xử giao hai cháu Y và cháu Đ1 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị C chưa cấp dưỡng nuôi con chung do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lâm Thị C được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2010 và Lê Thành Đ1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2009 cho anh Lê Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006922 ngày 30 tháng 6 năm 2021, chị C không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT: 01;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
-UBND xãt T2;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký)*

Võ Thị Tám